

GIẢI PHÁP PHÁT HUY NGUỒN LỰC TRI THỨC ĐỊA PHƯƠNG PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI*

PHẠM DŨNG

Tri thức địa phương được hình thành trong quá trình trải nghiệm và đúc kết qua sự chọn lọc trong quá trình vận động của cuộc sống, hướng đến sự thích nghi với đặc điểm văn hóa, xã hội và môi trường. Tri thức địa phương là nền tảng cơ bản cho sự tự cung tự cấp và tự quyết của người dân giúp cho người dân chủ động, ít bị phụ thuộc vào bên ngoài qua đó giảm tình trạng dễ bị tổn thương tại cộng đồng do biến đổi khí hậu gây ra, giúp cho phát triển bền vững hơn.

Nguồn lực quan trọng, hài hòa, thân thiện với môi trường

Bắt đầu từ những năm 60 - 70 của thế kỷ XX, mỗi quan tâm, thiện cảm dành cho những tri thức địa phương (TTĐP), tri thức truyền thống ngày càng nhiều lên. Một trong những lý do chủ yếu của sự quay trở lại của TTĐP là do sự thất bại của các chính sách phát triển. Các chuyên gia phát triển dần nhận ra rằng, các tộc người địa phương cùng với các sinh hoạt văn hóa, xã hội, kinh tế của mình, đã và đang sống cuộc sống hài hòa và thân thiện với môi trường xung quanh; trong khi đó sự đổ vỡ của các tri thức khoa học phương Tây, các dự án hiện đại hóa mang tính khoa học - công nghệ cao lại không mang đến những kết quả như mong đợi, xa rời thực tiễn của các địa phương và không có khả năng giải quyết nhiều vấn đề về mặt kỹ thuật đặt ra trong cuộc sống hằng ngày như những người dân địa phương có thể làm.

Với tri thức của mình, những cộng đồng địa phương có cách phân loại đất, các loài động vật, thực vật và nhận dạng được đặc tính từng loại. Họ thậm chí còn có tên gọi cho những loài cây và loài côn trùng còn chưa được phát hiện bởi những nhà thực vật

học và côn trùng học trên thế giới. Người Ha-nu-ô ở Phi-líp-pin đã phân biệt được 1.600 loài thực vật trong rừng của họ, nhiều hơn 400 loài so với các nhà khoa học làm việc trong cùng khu vực. Gần 75% trong số 121 loài cây được chiết xuất để sản xuất những loại thuốc phổ biến trên thế giới hiện nay được phát hiện nhờ những đầu mối từ những loại thuốc địa phương. Trên toàn cầu, các tộc người địa phương sử dụng 3.000 loài cây khác nhau chỉ để kiểm soát duy trì độ phì nhiêu của đất. Người Ka-la-ai-oa, những thầy lang du mục ở Bô-li-vi-a, sử dụng 600 loại thảo dược; những thầy thuốc truyền thống ở vùng Đông Nam Á sử dụng đến 6.500 loài cây làm thuốc. Hầu hết các loài cây và rất nhiều các loài thực vật khác nhau đều có chỗ đứng trong kho tàng kiến thức y học. Theo thống kê của Tổ chức Y tế thế giới (WHO), chỉ tính riêng trong lĩnh vực y học cổ truyền, Trung Quốc đã thu được lợi nhuận 6 tỷ USD, châu Âu thu được 12 tỷ USD.

* Bài viết là sản phẩm của Đề tài cấp nhà nước "Nghiên cứu sử dụng và phát huy tri thức địa phương trong chủ động và ứng phó với biến đổi khí hậu ở các vùng, miền nước ta", mã số ĐKKH.26/16-20

Bên cạnh đó, quan niệm mới về phát triển, “Phát triển bền vững”, được thay thế hoàn toàn cho quan niệm phát triển truyền thống (phát triển kinh tế bằng mọi giá không quan tâm đến môi trường) khi nó nhấn mạnh đến khả năng đáp ứng được nhu cầu của hiện tại mà không làm ảnh hưởng đến những thế hệ tiếp theo. Các chuyên gia phát triển, những người hoạt động trong lĩnh vực môi trường, các tổ chức phi chính phủ nhận ra rằng, những tri thức truyền thống, thế giới quan và văn hóa của các tộc người địa phương ẩn chứa mối quan hệ hài hòa, thân thiện với môi trường. Các tộc người địa phương lúc này được xem như những nhà sinh thái học thực sự, với những hiểu biết sâu sắc về môi trường, những quan niệm, niềm tin và cả các cách họ bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Sự quan tâm của Ngân hàng Thế giới (WB) như là một thể chế kinh tế quyền lực toàn cầu đối với TTĐP, vừa là hệ quả của hai bối cảnh trên, vừa cùng có và mở rộng phạm vi quan tâm của toàn thể giới đối với TTĐP. Năm 1998, WB thiết lập *Chương trình Tri thức địa phương cho sự phát triển*. Chương trình này có mục đích học tập từ các hệ thống TTĐP phục vụ cho các thực hành phát triển tại các cộng đồng đó và từ đó, mở rộng tính ứng dụng của các tri thức này. Ngân hàng Thế giới tuyên bố rằng, họ cần trao cho những người nghèo trên thế giới cái quyền không chỉ là người tiếp nhận các tri thức khoa học phát triển mà họ phải là những người đóng góp, những người đóng vai trò chủ đạo trong phát triển của chính họ.

Tri thức địa phương là nền tảng cơ bản cho sự tự cung tự cấp và tự quyết của người dân giúp cho người dân chủ động, ít bị phụ thuộc vào bên ngoài, giảm tình trạng dễ bị tổn thương tại cộng đồng do biến đổi khí hậu (BĐKH) gây ra. Bởi, người dân đã quen với các kỹ thuật địa phương nên họ có thể hiểu, vận dụng và duy trì các kỹ thuật đó tốt hơn so với các kỹ thuật mới đưa vào từ bên ngoài nên

kinh nghiệm và tiếng nói của cộng đồng được phát huy và sử dụng có hiệu quả.

Tri thức địa phương tuy là những kinh nghiệm sống nhưng lại liên tục vận động và thay đổi phù hợp với những điều kiện mới, cơ cấu xã hội mới⁽¹⁾,... Ngày nay, nhiều nước trên thế giới đã tiến hành thu thập, tổng kết các TTĐP và tích hợp các kiến thức khoa học để hình thành nên các TTĐP mới có nhiều hàm lượng khoa học - công nghệ, phù hợp với điều kiện mới hơn. Vì vậy, có thể chia TTĐP thành 2 loại: 1- *Nhóm TTĐP truyền thống* của các cộng đồng địa phương, gần gũi nguyên dạng cổ xưa; 2- *Nhóm TTĐP phát triển*, có sự tham gia của nhiều nhà khoa học và tích hợp nhiều kiến thức khoa học - công nghệ mới vào nhóm 1. Loại TTĐP này có thể được nhân rộng sang các vùng, miền khác, có ảnh hưởng tích cực đến sinh kế địa phương nơi chúng được áp dụng⁽²⁾.

Tri thức địa phương ở Việt Nam

Từ đời này sang đời khác, người dân ở các vùng, miền đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu và đúc kết nó thành những TTĐP truyền thống.

Trong dự báo thời tiết, theo kinh nghiệm của người Dao, chỉ cần xem lá chuối rừng cũng có thể đoán được trời mưa hay hạn. Trời đang nắng hạn, nếu thấy nhiều nơi trong rừng có hiện tượng lá chuối non mới nhú ra khỏi thân tự nhiên gãy một đoạn ngắn phía ngọn thì báo hiệu trời sắp mưa. Ở một số địa phương người Dao thường có thói quen xem lá cây trâu, kể cả loại trâu mọc tự nhiên trong rừng để đoán thời tiết. Nếu thấy lá trâu chuyển sang màu trắng thì sắp tới trời sẽ hạn hạn kéo dài.

(1) Xem: Bùi Hoài Sơn “Đôi nét về khái niệm Tri thức bản địa”, *Tạp chí Văn hóa - Nghệ thuật*, số 308, tháng 2-2010

(2) Hội Bảo vệ thiên nhiên và môi trường Việt Nam (VACNE): *Ứng phó với biến đổi khí hậu - nhìn từ góc độ cộng đồng*. Nxb. Chính trị quốc gia Su thật, Hà Nội, 2019, tr. 103 - 104

Người H'mông cho rằng, nếu các loại hoa trong mùa xuân, như đào, lê, mận, nở đồng đều giữa các cây thì mùa màng sẽ bội thu. Ngược lại, các cây hoa nở lác đác (nở hoa từ ngọn trở xuống, cây nở hoa sớm, cây nở muộn) thì mùa màng năm đó thất bát do mưa nhiều. Với người Thái, năm nào cây muỗm (*mã muôm*) sai quả thì có mưa bão to, đến thời điểm quả sắp chín thì sắp có bão. Người Mường cũng cho rằng, năm nào đầu năm ong bò về mà làm tổ ở thấp (gốc cây, bụi) là có bão to. Điều này đã kiểm chứng đúng với các năm 1986, 2005, 2013.

Tuy nhiên, trong quá trình nhận biết những thay đổi của tự nhiên, đồng bào không những chỉ dựa vào hệ thống cây, cỏ mà còn kết hợp với những thay đổi về đặc điểm của các con vật hay một số hiện tượng khác trong tự nhiên, từ đó đưa ra các phán đoán tương đối chính xác về thời tiết, khí hậu. Qua kinh nghiệm đúc kết lại của nhiều thế hệ người H'mông, họ chỉ cần biết hướng gió thổi là có thể đoán định được thời tiết. Chẳng hạn như, thấy gió thổi từ phía Nam sang Bắc thì trời sẽ rã nắng, còn gió thổi ngược lại từ phía Bắc sang Nam thì trời sẽ mưa. Khi người Khơ-mú thấy rằng đầu mùa hạ mà nắng nóng kéo dài (trước lũ tiêu mất hai tháng), nếu buổi trưa đột ngột có mây trắng kéo xuống thấp và mây đen kéo đến rất nhanh thì họ vội vàng thu dọn các thứ vì sắp có lốc mạnh kèm theo mưa đá.

Cộng đồng người dân miền Trung còn có một số kinh nghiệm trong việc nhận biết trước một số loại thiên tai sắp xảy ra trên địa bàn họ sinh sống thông qua những sự vật, hiện tượng rất gần gũi với đời sống hằng ngày của chính họ, cụ thể như khi con ong Vò Vẽ làm tổ ở sát dưới mặt đất thì sẽ có bão to; khi thấy lá cây Cỏ Ông có ngấn (móp) ở đầu lá, thì có bão sẽ xảy ra; lúc nào thấy đàn cò di chuyển từ biển vào đất liền thì chắc chắn sắp có bão đến;...

Đối với bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, sự thiêng hóa các khu rừng dưới hình thức rừng thiêng, rừng cấm và các luật tục, phong tục, quy định được đề ra để giữ gìn sự thiêng ấy của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên đã góp phần

bảo vệ rừng xanh, bảo vệ được nét nguyên sơ của các khu rừng, tinh đa dạng và sự cân bằng sinh thái của vùng rừng núi Tây Nguyên.

Đồng bào dân tộc Ê-đê từ xa xưa đã quan niệm rằng, còn cây rừng thì còn bến nước, mà bến nước còn thì buôn làng còn. Mọi người trong buôn đều phải giữ cây rừng vì đó chính là giữ nguồn sống cho buôn làng. Luật tục Ê-đê quy định cấm đốt lửa bừa bãi trong rừng, ai gây ra cháy rừng sẽ bị trừng phạt rất nặng; làm nhà không được chặt cây to, vào rừng không được chặt cây thẳng, chặt cây to phải chừa cây con, không chặt các cây đang đâm chồi, chặt một cây phải trồng bảy cây, không được phát rẫy, làm nương nơi rừng già, rừng có cây to,...

Thường mỗi buôn đồng bào dân tộc Ê-đê có một bến nước. Theo phong tục của bà con dân tộc, mỗi buôn bầu chọn một người già có uy tín để trông coi, quản lý bến nước. Người làm nhiệm vụ đó được gọi là "già làng bến nước". Trong ý nghĩ của đồng bào, bến nước là tầng phẩm của thiên nhiên (thiên nhiên của họ là Thần). Họ nhờ Thần gội rửa bụi đất của rẫy nương để mỗi khi bước lên nhà sàn là mọi nhọc nhằn đều tan biến. Với suy nghĩ đó, mọi người đều phải giữ sạch nguồn nước, bảo vệ cây cối và môi trường quanh bến nước.

Đồng bào dân tộc H'rê quy định không được chặt cây ở khu vực có nhiều cây chết, không lấy cây có cây gãy leo quăn; không phát rẫy, không chăn thả gia súc phía thượng nguồn, ở các khu vực đầu nguồn nước sinh hoạt của buôn làng. Nước lấy từ nguồn mạch ở rừng cấm được đồng bào tin rằng sẽ giúp cho cây lúa tốt hơn. Mỗi thành viên trong cộng đồng đều tự giác tôn trọng và không xâm phạm vào những kiêng kỵ, như khu rừng thiêng, nguồn nước thiêng, cây thiêng, con vật thiêng...

Luật tục của đồng bào dân tộc Mạ nghiêm cấm mọi thành viên của buôn làng xâm hại các khu rừng thiêng dưới bất kỳ hình thức nào, đặc biệt là không được chặt cây lấy gỗ, săn bắt, hái lượm, chăn thả gia súc,... ở khu rừng

thiên. Việc sử dụng nguồn nước cũng được quy định rất nghiêm ngặt. Ở mỗi buôn làng, nơi đầu nguồn nước của những con sông, khe suối là khu vực lấy nước cho nhu cầu ăn uống hằng ngày, còn ở cuối nguồn mới dùng để tắm rửa, giặt giũ...

Trong phát rừng làm nương trước đây, người Dao Đỏ canh tác theo hình thức luân phiên, theo đó mỗi nhà thường có vài mảnh nương, khi làm xong vài vụ, họ lại chuyển sang mảnh khác và cứ như vậy sau 3 - 5 năm, họ mới quay trở lại canh tác trên mảnh nương đầu tiên. Để mở nương, không phải cánh rừng nào cũng được phát quang, người Dao Đỏ chỉ tìm đến những khoảnh rừng không có cây cỏ thụ bời họ biết rõ rằng, rừng già có tác dụng giữ nước. Đặc biệt, họ còn giữ được nhiều kinh nghiệm trong bảo vệ rừng. Chẳng hạn, khi đốt rẫy, họ chọn thời điểm không có gió để tránh lửa cháy lan sang khoảnh rừng bên cạnh và làm cháy rừng...

Người dân vùng cao phía Bắc có kinh nghiệm trong sử dụng nguồn nước, trước hết là để canh tác ruộng bậc thang. Thông qua hệ thống khai khẩn ruộng bậc thang sẽ thấy được cách ứng xử của đồng bào với địa hình, với nguồn nước, đất và rừng như thế nào. Bên cạnh việc đào nương, đồng bào còn đổi dòng chảy của những con suối bằng cách dựa thế ý dốc. Bất cứ nơi nào có độ nghiêng và có nguồn nước, người ta đều tạo ra các triển ruộng và dẫn nước chảy theo độ nghiêng này. Điều ấy có nghĩa, nước chảy vào triển ruộng cao nhất rồi từ đó chảy dẫn xuống các triển ruộng thấp hơn.

Quy ước bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng thiêng, rừng ma của nhiều tộc người ở nước ta đã góp phần hạn chế xói mòn, lũ quét, giữ nước. Đây là những kinh nghiệm thiết thực, cần nhân rộng để phát triển rừng một cách bền vững.

Đối với các TTĐP phát triển, được thể hiện như trong việc vận dụng TTĐP giúp tăng cường công tác quản lý, sử dụng, bảo vệ tự nhiên theo hướng bền vững, qua đó sẽ góp

phần hạn chế tác động tiêu cực của BĐKH. Sự lồng ghép các kinh nghiệm dân gian, tri thức tộc người trong các chính sách thích ứng với BĐKH giúp vừa tăng cường tính hiệu quả, bền vững cho việc xây dựng, thực thi chính sách, vừa giảm các chi phí đầu vào; đồng thời, cách làm này cũng hỗ trợ đắc lực cho việc xây dựng các biện pháp cụ thể cho từng lĩnh vực nhất định: chăn nuôi gia súc, gia cầm; trồng trọt, đánh bắt thủy hải sản, bảo vệ rừng, chống xói mòn, phòng, chống thiên tai.

Ở miền Trung, bão và áp thấp nhiệt đới là loại thiên tai đặc biệt nguy hiểm, thường xuyên xuất hiện từ tháng 8 đến tháng 11, nó có tác động và gây thiệt hại rất lớn đến sản xuất và đời sống của người dân. Để bảo đảm nguồn sinh kế và tạo thu nhập về kinh tế cho gia đình, cộng đồng người dân miền Trung đã xây dựng được nhiều mô hình sản xuất thích ứng với lũ lụt và mang lại hiệu quả kinh tế rất cao, như mô hình trồng rau trên giàn; nuôi thủy sản vượt lũ; chăn nuôi gia súc, gia cầm trái vụ; chuồng lợn 2 tầng (tầng 1 để nuôi vào thời điểm không có lũ, tầng 2 có cầu thang dùng để đi chuyển vật nuôi lên khi nước lũ ngập); nhà vượt lũ (nhà vừa làm nơi sinh hoạt của người trong gia đình, vừa là nơi nhốt vật nuôi trong những đợt lũ lụt);... Ngoài ra, người dân đã có những biện pháp riêng nhằm thích ứng với sự biến đổi này, đặc biệt là trong sản xuất nông nghiệp, như: Thay đổi lịch mùa vụ, chọn giống lúa phù hợp; chọn hình thức sạ lúa theo từng mùa; thay đổi cơ cấu cây trồng để thích nghi với sự chuyển đổi của môi trường; vận dụng luân canh, xen canh nhằm tăng sản lượng, đa dạng hóa nông sản. Bên cạnh đó, các mô hình canh tác đặc thù cũng được áp dụng, như xen canh lúa - tôm; lúa - cá;...

Ở Trung du và miền núi phía Bắc có nhiều mô hình sử dụng TTĐP được ứng dụng rộng rãi, như mô hình làng nông nghiệp thông minh ứng phó với BĐKH; mô hình gừng, cây được liệt kê vào chuỗi Tây thích ứng hạn; mô hình trồng xen các cây họ đậu thích ứng hạn;...

Các địa phương ở Tây Nguyên đang khôi phục, phát triển rừng tự nhiên bằng trồng cây địa phương. Hậu quả của việc nhiều nơi phá bỏ cây địa phương vì cho rằng không có hiệu quả kinh tế dễ trồng cây khác, sau một thời gian đã bộc lộ rõ: Mất cân bằng sinh thái, đất bạc màu, giá trị kinh tế của cây thay thế suy giảm... Vì thế, việc trồng cây địa phương đang được chú ý hơn bởi sự thích ứng tự nhiên của nó với môi trường, sinh thái, điều kiện thổ nhưỡng. Trồng cây địa phương, kết hợp cây địa phương với các loại cây khác để nâng cao hiệu quả kinh tế. Nhiều địa phương ở đây đã đưa một số giống cây địa phương, như dầu nước, dầu rái, sao đen, giổi xanh, bời lời đỏ, xoan đào, dó trầm trồng trên nhiều vùng sinh thái. Áp dụng mô hình trồng hỗn giao, ví dụ như trồng hỗn giao cây gỗ tếch, hay cây địa phương là gỗ dẫu với cây keo lai. Trồng hỗn giao vừa có cây ngăn ngừa dễ kinh doanh, vừa có cây gỗ lớn, bảo đảm lợi ích kinh tế cho người dân.

Ở đồng bằng sông Cửu Long, mưa lũ được xem như một tài nguyên lớn: làm gia tăng nguồn nước đáng kể, làm tăng lượng cá tự nhiên, lũ mang phù sa làm gia tăng độ phì nhiêu cho đất trồng trọt, rửa mặn, rửa phèn và các chất ô nhiễm trong đồng ruộng, loại bỏ chuột bọ, côn trùng và bổ cập thêm cho nước ngầm. Người dân không chỉ có các phương tiện, mà còn có cá kè làm ăn khi lũ về. Mùa mưa lũ đem lại nhiều sinh kế và thu nhập cho người dân ở đây. Do vậy, từ xưa họ thích nghỉ với lũ lụt như một truyền thống và hình thành tập quán “sống chung với lũ”. Kinh nghiệm “sống chung với lũ” rất quen thuộc với người dân đồng bằng sông Cửu Long.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, nhiều giá trị của TTĐP truyền thống đang bị mai một, việc sử dụng và phát huy các giá trị của TTĐP phát triển cũng chỉ ở mức nhỏ, chưa tương xứng với giá trị vốn có của mình. Có thể kể đến một số nguyên nhân chính sau:

- Việc nghiên cứu về tri thức của các tộc người thiểu số chưa có những công trình

tương xứng với những giá trị mà TTĐP mang lại cho đời sống của các tộc người;

- Việc nhận thức và trách nhiệm của chính quyền địa phương trong sử dụng TTĐP chưa cao;

- Còn thiếu cơ chế, phương thức huy động nguồn lực cho các nghiên cứu khoa học có hệ thống về TTĐP, những nghiên cứu việc sử dụng các giống, kỹ thuật địa phương song song với việc áp dụng khoa học - kỹ thuật hiện đại nhằm tạo sự phát triển bền vững của cộng đồng và bảo tồn các nguồn gen, kỹ thuật phục vụ cho nghiên cứu khoa học hiện đại;

- Chưa có chính sách khuyến khích lựa chọn sử dụng giống, cây, con bản địa cho năng suất ổn định với nhu cầu thị trường cao, phù hợp với điều kiện đất đai, trình độ canh tác của người dân, thích ứng với BĐKH;

- Hạn chế trong công tác tuyên truyền, giáo dục về ý thức phục hưng các giá trị địa phương, khai thác TTĐP phục vụ cho nhu cầu tại chỗ, ứng phó tại chỗ với BĐKH.

Đề tri thức địa phương thực sự đóng góp cho phát triển bền vững ở Việt Nam

Việt Nam là quốc gia đa tộc người, chính vì thế, TTĐP cần phải được coi là một nguồn lực quan trọng, nhất là trong bối cảnh môi trường tự nhiên đã, đang và sẽ có những biến đổi nhanh chóng trong thời gian tới mà BĐKH được dự báo sẽ diễn ra mạnh, đặc biệt ở vùng ven biển, vùng cao, địa bàn cư trú của nhiều tộc người thiểu số.

Mọi hoạt động kinh tế truyền thống của người dân đều được hình thành và phát triển trên cơ sở đặc điểm môi trường tự nhiên nơi họ cư trú. Những hiểu biết của họ về tự nhiên được tích lũy, đúc kết qua nhiều thế hệ, phương thức thích ứng với tự nhiên ngày một tốt hơn, các kỹ năng khai thác và quản lý tự nhiên ngày càng thích hợp và hợp lý hơn.

Với đặc điểm và tính chất của mình, việc sử dụng, phát huy TTĐP cần lưu ý một số điểm sau:

Thứ nhất, bảo đảm góp phần cải thiện và duy trì các hệ sinh thái, tăng cường khả năng thích ứng với BĐKH, giảm thiểu dễ bị tổn thương tại cộng đồng. Các giống cây trồng/vật nuôi địa phương thường có khả năng chống chịu tốt, ít bị dịch bệnh hơn so với các giống mới và không yêu cầu đầu tư thâm canh cao phù hợp với nhiều người, kể cả người nghèo.

Thứ hai, phải là nền tảng cơ bản cho sự tự cung, tự cấp và tự quyết của người dân, giúp cho người dân ít bị phụ thuộc vào bên ngoài, giảm tình trạng dễ bị tổn thương do BĐKH gây ra.

Thứ ba, bảo đảm sự gắn gũi với người dân, họ có thể hiểu, vận dụng và duy trì các kỹ thuật đó tốt hơn so với các kỹ thuật mới đưa từ bên ngoài vào.

Trên cơ sở nghiên cứu, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp sau:

Một là, có chính sách tổng kiểm kê, thống kê TTĐP, xây dựng hệ thống dữ liệu lưu giữ, quản lý và phục vụ khai thác hợp lý, tránh mai một, thất truyền.

Tri thức địa phương của mỗi tộc người để cập các khía cạnh khác nhau của đời sống cộng đồng, từ sản xuất (bao gồm trồng trọt, chăn nuôi), đến quản lý cộng đồng xã hội, chăm sóc sức khỏe,... nhưng lại không giống nhau giữa các tộc người cũng như giữa các nhóm địa phương - của một tộc người. Vì vậy, cần có một bức tranh toàn cảnh về TTĐP của mỗi tộc người. Muốn vậy, phải có chính sách tổng kiểm kê, thống kê TTĐP, xây dựng hệ thống dữ liệu lưu giữ, quản lý và phục vụ khai thác hợp lý, tránh mai một, thất truyền.

Cùng với nghiên cứu một cách toàn diện và hệ thống TTĐP của các tộc người sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam, cần có đánh giá một cách khách quan và khoa học những giá trị của TTĐP trong đời sống xã hội truyền thống và những giá trị có thể kế thừa trong bối cảnh hiện nay (những kinh nghiệm trong bảo vệ rừng, chăm sóc sức khỏe...).

Hai là, khuyến khích sử dụng TTĐP song song với việc áp dụng khoa học - kỹ thuật hiện

đại nhằm tạo sự bền vững trong ứng phó với BĐKH.

Rõ ràng, nhiều TTĐP không còn phù hợp hoặc ít phù hợp với thực tế đã có nhiều thay đổi, để khắc phục được hạn chế này, rất cần có sự kết hợp giữa sử dụng TTĐP song song với việc áp dụng khoa học - kỹ thuật hiện đại nhằm tạo sự bền vững trong thực tế. Cần phát huy vai trò của các nhà khoa học, thực hiện có hiệu quả chương trình, dự án phát triển đối với công tác bảo tồn, phát huy những TTĐP của các dân tộc ít người. Tập trung nghiên cứu sâu rộng, có hiệu quả những di sản tri thức của đồng bào các dân tộc, đi đôi với việc áp dụng khoa học - kỹ thuật vào mục tiêu bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên ban tặng. Chỉ khi đó, các TTĐP mới được lưu giữ và phát huy hết tác dụng, bảo đảm tính bền vững trong khai thác và sử dụng.

Ba là, có chính sách phân bổ nguồn lực tài chính hỗ trợ sử dụng và phát huy TTĐP.

Một trong những điểm nghẽn thời gian qua trong việc sử dụng và phát huy TTĐP đó là nguồn lực tài chính không bảo đảm. Các nguồn kinh phí hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, vùng xa, khó khăn, cũng như nhiều chương trình hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn chưa có sự quan tâm đến nguồn lực tri thức này, chỉ có một số dự án, chương trình của các tổ chức phi chính phủ có sự quan tâm ở một mức độ nào đó.

Việc thiếu kinh phí dẫn đến rất khó khăn cho ngay cả khâu sưu tầm tài liệu, những thông tin của các tri thức này, vốn chủ yếu được lưu giữ thông qua truyền miệng của các đồng bào dân tộc thiểu số.

Bốn là, lồng ghép các ý tưởng, sáng kiến sử dụng TTĐP trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của Trung ương.

Cần xây dựng chính sách ở tầm quốc gia, hướng tới việc nghiên cứu, đánh giá vai trò của TTĐP trong phát triển và phát triển bền vững ở vùng các tộc người thiểu số sinh sống, những giá trị chung của tri thức địa phương

đối với văn hóa của Việt Nam và của một tộc người. Trên cơ sở đó, có kế hoạch lồng ghép các ý tưởng, sáng kiến sử dụng TTĐP trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của Trung ương. Từ các chương trình chung phát triển kinh tế - xã hội đến các chương trình trọng điểm quốc gia là xóa đói, giảm nghèo; Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; đến các chương trình của các bộ, ngành, như chương trình tín dụng, xây dựng kết cấu hạ tầng;...

Năm là, có chính sách đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của cộng đồng đối với TTĐP, tránh để bị đánh cắp trong quá trình thương mại hóa, đặc biệt là đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Nhận thức về giá trị của TTĐP, đặc biệt là khả năng đóng góp của nó vào phát triển bền vững và xóa đói, giảm nghèo, đang dần được nâng cao. Việc sử dụng tri thức truyền thống đem lại lợi ích đáng kể về kinh tế, văn hóa, xã hội cho mỗi quốc gia, đặc biệt là đối với các nước đang phát triển như Việt Nam. Vấn đề quan trọng đang đặt ra hiện nay là cần phải có các công cụ pháp lý hữu hiệu để bảo vệ các tri thức truyền thống đó. Việc lưu giữ TTĐP thường gặp phải những trường hợp khó xử. Nếu chúng ta không lưu giữ TTĐP đó thì nó sẽ mất đi vĩnh viễn, còn nếu chúng ta lưu giữ lại thì có thể mang đến bất lợi cho người dân địa phương.

Sáu là, đối với các địa phương, cần lồng ghép các ý tưởng, sáng kiến sử dụng TTĐP trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Các chính sách phát triển, giảm nghèo khác triển khai tại địa phương nên được phối hợp để hỗ trợ việc triển khai, nhân rộng các mô hình sinh kế thích ứng BĐKH có sử dụng TTĐP và khoa học - kỹ thuật.

Một trong những giá trị lớn nhất của TTĐP chính là giúp người dân có sự lựa chọn những giống, cây con địa phương, đã tồn tại, thích nghi với điều kiện tự nhiên địa phương nhiều năm nay. Vì vậy, rất cần các chính sách

khuyến khích lựa chọn sử dụng giống, cây, con địa phương cho năng suất ổn định và nhu cầu thị trường cao, ổn định, phù hợp với điều kiện đất đai, trình độ canh tác của người dân, thích ứng với BĐKH. Khi biết phát huy một cách chọn lọc những giống, cây con này thì sẽ cho năng suất ổn định, khả năng sống sót cũng cao hơn các loài ngoại lai rất nhiều. Các loài này đã vốn thích nghi với điều kiện bản địa hàng nhiều thế hệ nên rất phù hợp với trình độ canh tác của người dân. Một vấn đề nữa là khi nhu cầu về chất lượng hàng hóa đang được coi trọng hơn số lượng, thì những giống địa phương này là hướng đi rất hiệu quả cho người dân, đặc biệt là dân tộc thiểu số vùng cao.

Khuyến khích việc sử dụng các giống, kỹ thuật địa phương song song với việc áp dụng khoa học - kỹ thuật hiện đại nhằm tạo sự phát triển bền vững của cộng đồng và bảo tồn các nguồn gen, kỹ thuật phục vụ cho nghiên cứu khoa học hiện đại.

Nghiên cứu và xây dựng thêm các mô hình có sử dụng TTĐP, nhân rộng các mô hình có hiệu quả để làm bằng chứng khẳng định vai trò và tầm quan trọng của tri thức địa phương trong cộng đồng.

Có chính sách khuyến khích các cơ sở giáo dục - đào tạo tại địa phương ở từng vùng, cần chất lọc giá trị TTĐP lồng ghép trong giáo dục đào tạo cư dân tại chỗ, đặc biệt là trong các dự án ứng phó với BĐKH.

Bảy là, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và việc cần thiết phải phát huy những giá trị cộng đồng trong sử dụng TTĐP, đặc biệt là trong chủ động ứng phó với BĐKH.

Bên cạnh phương pháp thuyết phục bằng lý lẽ, các luận cứ, luận chứng để hình thành ở mỗi người một lập trường, thái độ đúng đắn với môi trường, về giá trị của những TTĐP, các phương tiện thông tin đại chúng cần tuyên truyền rộng rãi những mô hình có sử dụng TTĐP để làm bằng chứng khẳng định vai trò và vị trí của TTĐP trong cộng đồng. □